

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học:	Năm học: 2023-2024
Trường:	Tiểu học Phúc Lợi

1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4					
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																										
1. Tiếng Việt	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8			268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		638	171	88	5	2			140	65	2	1			139	69	6	5			188	102	5	2		
Hoàn thành		311	78	30	2	1			71	27	1	1			83	37	5	3			79	32	1	1		
Chưa hoàn thành		3	1	1					1												1	1				
2. Toán	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8			268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		685	203	97	4	1			155	68	2	1			143	70	5	4			184	91	4	2		
Hoàn thành		264	46	21	3	2			56	24	1	1			79	36	6	4			83	43	2	1		
Chưa hoàn thành		3	1	1					1												1	1				
3. Đạo đức	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8			268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		677	179	94	7	3			144	72	3	2			155	78	7	6			199	107	4	2		
Hoàn thành		274	71	25					68	20					67	28	4	2			68	27	2	1		
Chưa hoàn thành		1																			1	1				
4. Tự nhiên và Xã hội	691	684	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8								
Hoàn thành tốt		457	173	88	4	1			134	61	2	1			150	79	6	5								
Hoàn thành		227	77	31	3	2			78	31	1	1			72	27	5	3								
Chưa hoàn thành																										
5. Khoa học	268	268																			268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		191																			191	102	4	1		
Hoàn thành		76																			76	32	2	2		
Chưa hoàn thành		1																			1	1				
6. LS & DL	268	268																			268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		198																			198	105	4	2		



Hoàn thành		69																	69	29	2	1			
Chưa hoàn thành		1																	1	1					
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		472	120	70	2				99	48	3	2			112	65	6	6		141	82	3	1		
Hoàn thành		479	130	49	5	3			113	44					110	41	5	2		126	52	3	2		
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		414	111	64	3	1			93	46	2	1			98	58	6	6		112	61	2	1		
Hoàn thành		537	139	55	4	2			119	46	1	1			124	48	5	2		155	73	4	2		
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
9. Hoạt động trải nghiệm	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		652	173	90	5	2			137	64	3	2			149	77	8	6		193	105	5	3		
Hoàn thành		299	77	29	2	1			75	28					73	29	3	2		74	29	1			
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
10. Giáo dục thể chất	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		426	113	64	3	1			92	47	1				103	59	6	5		118	67	3	2		
Hoàn thành		525	137	55	4	2			120	45	2	2			119	47	5	3		149	67	3	1		
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
11. TH-CN (Công nghệ)	491	490													222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		360													150	75	8	6		210	114	5	3		
Hoàn thành		129													72	31	3	2		57	20	1			
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
12. TH-CN (Tin học)	491	490													222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		235													109	61	6	6		126	71	2			
Hoàn thành		254													113	45	5	2		141	63	4	3		
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
13. Ngoại ngữ	742	490													222	106	11	8		268	135	6	3		
Hoàn thành tốt		253													122	61	6	5		131	69	1			
Hoàn thành		236													100	45	5	3		136	65	5	3		
Chưa hoàn thành		1																		1	1				
14. Tiếng dân tộc																									
Hoàn thành tốt																									

Đạt		131												72	32	3	2			59	23	1			
Cần cố gắng		1																		1	1				
Khoa học	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		633	169	83	4	1			125	55	2	1		148	75	8	6			191	102	4	1		
Đạt		318	81	36	3	2			87	37	1	1		74	31	3	2			76	32	2	2		
Cần cố gắng		1																		1	1				
Thẩm mĩ	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		437	111	64	3	1			97	47	1			113	67	7	7			116	65	2	1		
Đạt		514	139	55	4	2			115	45	2	2		109	39	4	1			151	69	4	2		
Cần cố gắng		1																		1	1				
Thể chất	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		438	112	64	3	1			99	48	1			110	59	7	5			117	67	3	2		
Đạt		513	138	55	4	2			113	44	2	2		112	47	4	3			150	67	3	1		
Cần cố gắng		1																		1	1				
III. Phẩm chất chủ yếu																									
Yêu nước	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		923	249	119	7	3			210	92	3	2		197	97	10	7			267	134	6	3		
Đạt		28	1						2					25	9	1	1								
Cần cố gắng		1																		1	1				
Nhân ái	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		895	249	119	7	3			210	92	3	2		181	94	6	5			255	130	6	3		
Đạt		56	1						2					41	12	5	3			12	4				
Cần cố gắng		1																		1	1				
Chăm chỉ	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		604	159	87	5	2			133	65	3	2		143	73	7	6			169	90	4	2		
Đạt		347	91	32	2	1			79	27				79	33	4	2			98	44	2	1		
Cần cố gắng		1																		1	1				
Trung thực	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2		222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		798	224	110	7	3			170	79	2	1		174	87	7	6			230	119	6	3		
Đạt		153	26	9					42	13	1	1		48	19	4	2			37	15				
Cần cố gắng		1																		1	1				

Trách nhiệm	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8			268	135	6	3		
Tốt		629	162	87	5	2			129	64	2	1			151	78	7	6			187	98	3	1		
Đạt		322	88	32	2	1			83	28	1	1			71	28	4	2			80	36	3	2		
Cần cố gắng		1																			1	1				
IV. Đánh giá KQGD	959	952	250	119	7	3			212	92	3	2			222	106	11	8			268	135	6	3		
- Hoàn thành xuất		354	106	62	2				78	39	1				82	49	4	4			88	46	1			
- Hoàn thành tốt		20	1						5	2					6	1					8	5				
- Hoàn thành		575	142	56	5	3			128	51	2	2			134	56	7	4			171	83	5	3		
- Chưa hoàn thành		3	1	1					1												1	1				
V. Khen thưởng		418	118	65	3	1			87	41	1				98	54	5	5			115	61	1			
- Giấy khen cấp trường		418	118	65	3	1			87	41	1				98	54	5	5			115	61	1			
- Giấy khen cấp trên																										
VI. HSDT được trợ giảng																										
VII. HS.K.Tật		6	1	1				1	4		1			4	1	1			1							
VIII. HS bỏ học kỳ II																										
+ Hoàn cảnh GDKK																										
+ KK trong học tập																										
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																										
+ Thiên tai, dịch bệnh																										
+ Nguyên nhân khác																										
IX. Chương trình lớp học	959	959	251	120	7	3		1	217	92	4	2		4	223	107	11	8		1	268	135	6	3		
Hoàn thành	949	949	249	118	7	3			211	92	3	2			222	106	11	8			267	134	6	3		
Chưa hoàn thành	3	3	1	1					1												1	1				



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC LỢI

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Tiểu học Phúc Lợi

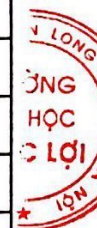
1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập								
1. Tiếng Việt	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		114	114	63	2	2		
Hoàn thành		106	106	38				
Chưa hoàn thành								
2. Toán	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		175	175	82	2	2		
Hoàn thành		45	45	19				
Chưa hoàn thành								
3. Đạo đức	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		161	161	85	2	2		
Hoàn thành		59	59	16				



Chưa hoàn thành								
4. Khoa học	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		177	177	87	2	2		
Hoàn thành		43	43	14				
Chưa hoàn thành								
5. LS & DL	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		150	150	71	1	1		
Hoàn thành		70	70	30	1	1		
Chưa hoàn thành								
6. Âm nhạc	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		86	86	51				
Hoàn thành		134	134	50	2	2		
Chưa hoàn thành								
7. Mỹ thuật	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		78	78	45				
Hoàn thành		142	142	56	2	2		
Chưa hoàn thành								
8. Thủ công, Kỹ thuật	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		165	165	78				
Hoàn thành		55	55	23	2	2		
Chưa hoàn thành								
9. Thể dục	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		86	86	47				

Hoàn thành		134	134	54	2	2		
Chưa hoàn thành								
10. Ngoại ngữ	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		109	109	53				
Hoàn thành		111	111	48	2	2		
Chưa hoàn thành								
11. Tin học	222	220	220	101	2	2		
Hoàn thành tốt		80	80	38				
Hoàn thành		140	140	63	2	2		
Chưa hoàn thành								
12. Tiếng dân tộc								
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
II. Năng lực								
Tự phục vụ tự quản	222	220	220	101	2	2		
Tốt		177	177	90	2	2		
Đạt		43	43	11				
Cần cố gắng								
Hợp tác	222	220	220	101	2	2		
Tốt		157	157	72				
Đạt		63	63	29	2	2		
Cần cố gắng								



Tự học và giải quyết vấn đề	222	220	220	101	2	2		
Tốt		115	115	59	1	1		
Đạt		105	105	42	1	1		
Cần cố gắng								
III. Phẩm chất								
Chăm học chăm làm	222	220	220	101	2	2		
Tốt		121	121	65	2	2		
Đạt		99	99	36				
Cần cố gắng								
Tự tin trách nhiệm	222	220	220	101	2	2		
Tốt		135	135	79	1	1		
Đạt		85	85	22	1	1		
Cần cố gắng								
Trung thực kỷ luật	222	220	220	101	2	2		
Tốt		190	190	95	2	2		
Đạt		30	30	6				
Cần cố gắng								
Đoàn kết yêu thương	222	220	220	101	2	2		
Tốt		215	215	100	2	2		
Đạt		5	5	1				
Cần cố gắng								
IV. Khen thưởng		224	224	105	2	2		
- Giấy khen cấp trường		220	220	101	2	2		

- Giấy khen cấp trên		4	4	4				
V. HSDT được trợ giảng								
VI. HS.K.Tật		2	2	1	1			2
VII. HS bỏ học kỳ II								
+ Hoàn cảnh GDKK								
+ KK trong học tập								
+ Xa trường, đi lại K.khăn								
+ Thiên tai, dịch bệnh								
+ Nguyên nhân khác								
VIII. Chương trình lớp học	222	222	222	102	3	2		2
Hoàn thành	220	220	220	101	2	2		2
Chưa hoàn thành								



Ngô Thị Minh Phú